

Bản án số: 40/2023/HS-ST
Ngày 13-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm.

Thẩm phán: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Xuân Tý.

Bà Lê Kim Thủy.

Ông Lê Minh Đang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lý Văn T - Sinh năm: 1974 tại: V, Hậu Giang. Nơi cư trú: Khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn O và bà Phạm Thị P; có 01 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị tạm giữ ngày 01/11/2022, đến ngày 04/11/2022 được tại ngoại, đến ngày 28/11/2022 bị bắt tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

2. Bạch Văn P1 - Sinh năm: 1996 tại: V, Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp B, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bạch Văn M và bà Nguyễn Thị P2; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 25/2016/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố

Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/9/2018, chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự; nhân thân: Bản án số 29//2014/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/10/2015 (bị kết án về tội ít nghiêm trọng khi trên 16 và dưới 18 tuổi nên được coi là không có án tích theo quy định tại Điều 107 của Bộ luật Hình sự); bị tạm giữ ngày 01/11/2022, đến ngày 04/11/2022 được tại ngoại, đến ngày 28/11/2022 bị bắt tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

3. Bùi Văn T1 (Tên gọi khác: Tam M1) - Sinh năm: 1994 tại: V, Hậu Giang. Nơi cư trú: Khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Mua phế liệu; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Bé H và bà Phạm Thị H1; tiền sự: Không; tiền án: Bản án hình sự phúc phẩm số 124/2013/HSPT ngày 20/08/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/5/2015; Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2015/HSST ngày 29/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/10/2020, chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự; nhân thân: Bản án hình sự sơ phẩm số 32/2011/HSST ngày 20/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2013 (bị kết án về tội ít nghiêm trọng khi trên 16 và dưới 18 tuổi nên được coi là không có án tích theo quy định tại Điều 107 của Bộ luật Hình sự); bị bắt, tạm giam từ ngày 01/11/2022 cho đến nay. (Có mặt)

4. Danh Tính (Tên gọi khác: Tính Lũì) - Sinh năm: 2002 tại: Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp G, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh T2 và bà Thị Sao M2; có 01 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị tạm giữ ngày 02/11/2022, đến ngày 04/11/2022 được tại ngoại, đến ngày 28/11/2022 bị bắt tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Trương Thanh V - Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H, là người bào chữa cho bị cáo Lý Văn T. (Có mặt)

2. Ông Trương Vương Q - Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H, là người bào chữa cho bị cáo Bạch Văn P1, Bùi Văn T1 và Danh T3. (Có mặt)

- Bị hại:

Lê Trung T4, sinh năm 1981; (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu vực 5, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Danh Thị Bích L - Sinh năm: 1980. (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu vực 5, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Phạm Thị P - Sinh năm: 1949. (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu vực 5, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Người làm chứng:

1. Ngô Thị T5 - Sinh năm: 1979. (Vắng mặt)

2. Lý Gia H2 - Sinh năm: 31/5/2008. (Vắng mặt)

- Người đại diện hợp pháp của Lý Gia H2:

Lý Văn Đ - Sinh năm: 1968. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Văn T và Ngô Thị T5 sống chung như vợ chồng. Gần tết nguyên đán 2022, T thường đi theo xe tải của gia đình chở hàng hóa lên thành phố Hồ Chí Minh, thời gian này T5 phát sinh tình cảm với Lê Trung T4, T phát hiện nên chia tay với T5. Sau đó, T5 và T4 thuê nhà trọ “Văn Linh”, tọa lạc tại ấp M, xã T, thành phố V tiếp tục chung sống được khoảng một tháng thì T4 chia tay với T5. Lúc này T5 quay lại xin lỗi T bỏ qua chuyện cũ để về sống chung, T đồng ý. Khi về sống với T5, biết được việc trước đây T4 có thiếu T5 số tiền 6.000.000 đồng và có lời lẽ hăm dọa sẽ cho người đánh mình nên T đã nhiều lần đến nhà T4 đòi tiền và giải quyết mâu thuẫn nhưng không gặp.

Đến khoảng 19 giờ ngày 29/10/2022, Lý Văn T đang ở quán ăn của chị P3 tại chợ phường V, thành phố V. Nhớ lại chuyện trước đây Lê Trung T4 hăm dọa cho người đánh mình nên T điện thoại cho T4 nhưng đã bị chặn số không liên lạc được. T tiếp tục điện thoại cho Bạch Văn P1 kêu mang xe về trả (do P1 mượn xe của T) và chở T đi công chuyện. P1 đồng ý và rủ thêm Bùi Văn T1, Danh T3 cùng đi theo để hỗ trợ khi có đánh nhau, khi rủ T1 và T3, bị can P1 nói: “Nếu bên kia đánh thì đánh luôn”, T1 và T3 đồng ý. P1 điều khiển xe chở bạn gái là Lý Gia H2 Triệu chở T3. Về đến quán của P3, H2 xuống xe đi vào trong quán, P1 tiếp tục chở T, T1 chở T3 chạy theo phía

sau đến nhà T4. Đến nơi, T đứng trước cổng rào nói với chị Danh Thị Bích L (vợ T4) kêu T4 ra nói chuyện. Nghe tiếng của T, T4 từ trong nhà đi ra mở cổng rào và nói: “mày muốn gì vào nhà tao nè”. Lúc này T và P1 bước vào trong sân còn T1 và T3 ở bên ngoài. Khi vào T kêu T4 trả tiền cho T5 nên hai bên cự cãi lớn tiếng, T dùng tay đánh vào mặt T4, T4 lấy cây dao bằng kim loại, màu trắng có sẵn trong người ra đâm nhá, nhá về phía T. Lợi dụng lúc T4 sơ hở, T chụp lấy tay cầm dao và đẩy T4 lùi về phía sau đồng thời lấy chiếc xe đạp (loại xe dành cho trẻ em) ném trúng ngực T4. T4 tiếp tục cầm dao đâm nhá, nhá về phía P1 để ngăn chặn không cho tấn công mình thì bị P1 dùng chân đạp vào bụng làm T4 ngã vào vách tường. Lúc này, T3 cầm khúc tre khô đánh, P1 dùng đoạn gỗ thụt vào người T4. Do bị đánh, T4 chạy vào hàng ba nhà lấy búa, ốc vít, con tán... ném về phía T, P1, T1, T3; cây búa trúng vào tay trái của T1 (không gây thương tích), thì bị T1 dùng thanh sắt hình chữ V đánh vào vai trái của T4 rồi bỏ xuống cặp bên xe ba gác, P1 tiếp tục lấy thanh sắt hình chữ V trên dùng hai tay đánh vào đầu T4, T3 thì cầm khúc tre khô thụt vào mặt T4. Khi nhìn thấy đầu của Lê Trung T4 chảy nhiều máu, các đối tượng cùng nhau rời khỏi hiện trường, T4 được người thân đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh H cấp cứu, sau đó chuyển đến Bệnh viện Đ1 tiếp tục điều trị từ ngày 29/10/2022 đến ngày 07/11/2022.

Tại Bản kết luận giám định số 261/TgT ngày 03/11/2022 của Trung tâm pháp y thành phố C kết luận thương tích của Lê Trung T4 như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương vùng trán gây vỡ lún sọ, rách màng cứng, tụ máu dưới màng cứng, dập não đã được điều trị phẫu thuật mở rộng vết thương, gỡ bỏ sọ lún, lấy máu tụ dưới màng cứng, vá màng cứng, đặt ống dẫn lưu, khâu vết thương và điều trị nội khoa. Hiện tại vết thương và phẫu thuật mở rộng vết thương, vết dẫn lưu đang lành, khuyết sọ vùng trán, không yếu liệt chi.

Vết thương mặt sau trong 1/3 trên cẳng tay trái gây đứt bán phần cơ duỗi cổ tay trụ đã được khâu gân cơ, khâu vết thương. Hiện tại vết thương đang lành.

- Vết thương kẽ ngón I – II bàn tay trái đã được khâu vết thương. Hiện tại vết thương đang lành.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 35% (Ba mươi lăm phần trăm).

3. Tỷ lệ từng vết thương:

- Vết thương vùng trán gây vỡ lún sọ, rách màng cứng, tụ máu dưới màng cứng, dập não có tỉ lệ là 33% (Ba mươi ba phần trăm).

- Vết đặt ông dẫn lưu vùng đỉnh-thái dương trái có tỷ lệ là 01% (Một phần trăm).

Vết thương mặt sau trong 1/3 trên cẳng tay trái có tỷ lệ là 01% (Một phần trăm).

Vết thương kẻ ngón 1. II bàn tay trái có tỷ lệ là 01% (Một phần trăm).

4. Cơ chế hình thành vết thương:

- Vết thương vùng trán phù hợp với cơ chế do vật tày gây ra.

- Vết thương mặt sau trong 1/3 trên cẳng tay trái phù hợp với cơ chế do vật nhọn gây ra.

- Vết thương kẻ ngón I. II bàn tay trái phù hợp với cơ chế do vật sắc gây ra.

5. Kết luận khác:

Do bệnh nhân đang trong quá trình điều trị nên không có cơ sở để xác định cố tật”.

Tại Bản kết luận giám định số 6176/KL-KTHS ngày 02/12/2022 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“Trên các mẫu ký hiệu: 02, 03, 04, 05 đều có dính máu người. Phân tích ADN từ các mẫu máu này được cùng một kiểu gen nam giới và trùng với kiểu gen của nạn nhân Lê Trung T4;

Không phát hiện máu người trên đoạn gỗ tre (Ký hiệu: 01)”.

Việc thu giữ các vật chứng, đồ vật, tài liệu của vụ án:

- 01 (một) đoạn tre khô, dài 2,35m, chu vi đầu nhỏ 16cm, đầu lớn 19cm;

- 01 (một) đoạn gỗ tròn, dài 2m40, chu vi đầu nhỏ 17cm, đầu lớn 22cm;

- 01 (một) đoạn sắt chữ V, một phần sơn màu đỏ, một phần sơn màu trắng, dài 1m79;

- 01 (một) cái ghế nhựa màu xanh, trên ghế có vết máu;

- 01 (một) cây dao kim loại màu trắng có dính vết máu ở lưỡi dao, dài 28cm, lưỡi dao nhọn, nơi rộng nhất là 3,5cm;

- 01 (một) vết máu trên ghế nhựa màu xanh;

- 01 (một) cây búa cán bằng gỗ màu đen dài 40cm, lưỡi búa bằng sắt bén dài 10m, đã qua sử dụng;

- 01 (một) chiếc xe đạp, loại xe trẻ em, màu hồng đã qua sử dụng.

Tại cáo trạng số 20/CT-VKSHG-P1 ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố các bị cáo Lý Văn T, Bạch Văn P1, Bùi Văn T1 và Danh T3 về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Các bị cáo Lý Văn T, Bạch Văn P1, Bùi Văn T1 và Danh T3 phạm tội “Giết người”.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lý Văn T từ 07 (bảy) đến 08 (tám) năm tù.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bạch Văn P1 từ 08 (tám) đến 09 (chín) năm tù.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 từ 06 (sáu) đến 07 (bảy) năm tù.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Danh T3 từ 06 (sáu) đến 07 (bảy) năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Lý Văn T, Bạch Văn P1, Bùi Văn T1 và Danh T3 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại Lê Trung T4 theo quy định của pháp luật.

- Về xử lý vật chứng: Trả lại cho ông Lê Trung T4 và bà Danh Thị Bích L: 01 (một) chiếc xe đạp, loại xe trẻ em, màu hồng đã qua sử dụng. Tịch thu và tiêu hủy các vật chứng còn lại đã thu giữ.

- Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn T: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật truy tố, áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân bị cáo T chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho các bị cáo Bạch Văn P1, Bùi Văn T1 và Danh T3: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật truy tố, áp dụng đối với các bị cáo. Đề nghị xem xét bị hại cũng có một phần lỗi trong vụ án, bị cáo Danh T3 đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể và nhân thân tốt để xử phạt các bị cáo mức án phù hợp.

Ý kiến của bị hại: Về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường tổng số tiền 185.000.000 đồng.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội theo như Cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự các bị cáo không thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Về nội dung vụ án:

[2] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện theo như nội dung của bản cáo trạng đã truy tố. Qua phân tích, đánh giá những vấn đề được tranh tụng tại phiên tòa, các chứng cứ, tài liệu được thể hiện trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, đã có đủ cơ sở C1 được rằng:

[3] Xuất phát từ mâu thuẫn về tiền bạc và tình cảm giữa Ngô Thị T5 (là người sống chung như vợ chồng với Lý Văn T) và Lê Trung T4 nên vào ngày 29/10/2022, Lý Văn T rủ Bạch Văn P1 đến nhà Lê Trung T4 tại khu V, phường V, thành phố V để đòi nợ và giải quyết mâu thuẫn. P1 rủ thêm Bùi Văn T1 và Danh T3 cùng đi theo để hỗ trợ khi có đánh nhau thì được T1 và T3 đồng ý. Khi cả nhóm đến nhà Lê Trung T4, T là người chủ động đánh và ném xe đạp vào người T4, T3 dùng cây, T1 dùng thanh sắt chữ V, P1 dùng chân đạp vào bụng và dùng thanh sắt chữ V đánh vào đầu của T4. Hậu quả

dẫn đến Lê Trung T4 bị thương tích theo kết luận giám định là: “Vỡ lún sọ, rách màng cứng, tụ máu dưới màng cứng, dập não” với tỷ lệ thương tích gây tổn hại đến sức khỏe là 35%.

[4] Xét thấy, tại thời điểm thực hiện hành vi các bị cáo Lý Văn T, Bạch Văn P1, Bùi Văn T1 và Danh T3 đều là người trên 18 tuổi và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi dùng đoạn cây gỗ và thanh sắt (01 đoạn tre khô dài 2,35m, chu vi đầu nhỏ 16cm, đầu lớn 19cm; 01 đoạn gỗ tròn dài 2m40, chu vi đầu nhỏ 17cm, đầu lớn 22cm; 01 đoạn sắt chữ V dài 1m79) là những hung khí nguy hiểm đánh vào vùng đầu là vùng trọng yếu trên cơ thể người thì có thể dẫn đến hậu quả chết người xảy ra nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Xét động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo là chủ động tập hợp với nhau đi tìm bị hại để giải quyết mâu thuẫn bằng vũ lực. Đối với các bị cáo P1, T1 và T3 mặc dù không có mâu thuẫn gì với bị hại nhưng khi được bị cáo T và bị cáo P1 đề xuất cùng nhau đi đánh bị hại để giải quyết mâu thuẫn các bị cáo đã đồng ý. Điều đó chứng tỏ các bị cáo có sự thống nhất ý chí cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm. Bên cạnh đó, các bị cáo chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống mà chủ động tìm kiếm bị hại để giải quyết mâu thuẫn bằng vũ lực, thể hiện lỗi hành xử côn đồ, hung hăng, xem thường pháp luật. Do đó, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội phạm “Giết người” với tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những căn cứ trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố các bị cáo Lý Văn T, Bạch Văn P1, Bùi Văn T1 và Danh T3 đồng phạm về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[6] Đối với bị cáo Bùi Văn T1 năm 2013 đã bị kết án, chưa được xóa án tích, đến năm 2015 thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm. Lần phạm tội này bị cáo thực hiện hành vi ngày 29/10/2022 khi chưa được xóa án tích đối với bản án số 72/2015/HSST ngày 29/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (do đến ngày phạm tội lần này bị cáo chưa chấp hành xong quyết định của bản án về án phí) và phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Đây là tình tiết định khung theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét áp dụng đối với bị cáo mà không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo Lý Văn T, Bạch Văn P1, Bùi Văn T1 và Danh T3 thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sống của con người được pháp luật bảo vệ đồng thời ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo đồng phạm về tội “Giết người”, trong đó vai trò của từng bị cáo cụ thể như sau:

[8] Bị cáo T là người khởi xướng sự việc đánh nhau với bị hại và cũng là người rủ rê, lôi kéo bị cáo P1 đi tìm đánh bị hại để trả thù. Bị cáo P1 là người rủ rê, lôi kéo các bị cáo T1 và T3. Tất cả các bị cáo đều tham gia đánh bị hại bằng nhiều loại hung khí và trúng vào nhiều vị trí khác nhau trên cơ thể trong đó vết thương vùng đầu gây “vỡ lún sọ, rách màng cứng, tụ máu dưới màng cứng, dập não” là do bị cáo P1 trực tiếp gây ra bằng thanh sắt hình chữ V. Do đó, bị cáo T giữ vai trò là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm, là người tổ chức trong vụ án. Các bị cáo P1, T1 và T3 giữ vai trò là người thực hành, trong đó, bị cáo P1 là người thực hành chính và có vai trò cao hơn các bị cáo T1 và T3.

[9] Tuy nhiên, do hậu quả chết người chưa xảy ra, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt nên Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo quy định tại Điều 57 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[10] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân:

[11] Bị cáo Bạch Văn P1: Năm 2014 bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là tội phạm nghiêm trọng. Tại thời điểm phạm tội bị cáo có độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nên được coi là không có án tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự.

[12] Bị cáo Bùi Văn T1: Năm 2011 bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là tội phạm ít nghiêm trọng. Tại thời điểm phạm tội bị cáo có độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nên được coi là không có án tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[13] Các bị cáo Lý Văn T và Danh T3 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[14] Bị cáo Bạch Văn P1 năm 2016 đã bị kết án, lần phạm tội này bị cáo thực hiện hành vi ngày 29/10/2022 khi chưa được xóa án tích đối với Bản án số 25/2016/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (do đến ngày phạm tội lần này bị cáo chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự) và phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Bùi Văn T1, tình tiết “tái phạm nguy hiểm” đã được áp dụng là tình tiết định khung hình phạt nên không áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[15] Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho bị hại và đầu thú sau khi thực hiện hành vi phạm tội là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[16] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng; xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa và người bào chữa cho các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy bị cáo T là người khởi xướng sự việc và rủ rê, lôi kéo bị cáo P1 thực hiện hành vi phạm tội nhưng bị cáo P1 là người thực hành chính trong vụ án, bên cạnh đó, bị cáo P1 cũng là người rủ rê, lôi kéo bị cáo T1 và T3. Các bị cáo T1 và T3 tham gia vụ án với vai trò ngang nhau và thấp hơn các bị cáo P1 và T. Tuy nhiên, bị cáo T1 có 01 tình tiết định khung tăng nặng và bị cáo P1 có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo P1 mức án cao hơn các bị cáo khác, xử phạt bị cáo T và bị cáo T1 mức án ngang nhau và xử phạt bị cáo T3 mức án thấp hơn các bị cáo khác. Xét thấy các bị cáo T, T1 và T3 đủ điều kiện để được áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo nhằm thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải.

[17] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Trung T4 yêu cầu các bị can Lý Văn T, Bạch Văn P1, Bùi Văn T1 và Danh T3 có trách nhiệm bồi thường số tiền 150.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật D sự trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận:

[18] - Chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cho người bị thiệt hại; thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đến cơ sở khám chữa bệnh và trở về nơi ở có hóa đơn, chứng từ: 5.515.271 đồng.

[19] - Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại được xác định là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho 01 ngày khám bệnh, chữa bệnh theo số ngày trong hồ sơ bệnh án: Bị hại điều trị tại bệnh viện 10 ngày x (mức lương tối thiểu vùng III 3.640.000 đồng/26 ngày) = 1.400.000 đồng.

[20] - Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại trong thời gian điều trị: 55 ngày x 300.000 đồng/ngày = 16.500.000 đồng.

[21] - Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị: 10 ngày x 300.000 đồng/ngày = 3.000.000 đồng.

[22] - Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm: 35 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định x 1.800.000 đồng = 63.000.000 đồng.

[23] Tổng cộng các khoản chi phí được chấp nhận là: 5.515.271 đồng + 1.400.000 đồng + 16.500.000 đồng + 3.000.000 đồng + 63.000.000 đồng = 89.415.271 đồng.

[24] Về trách nhiệm bồi thường: Các bị cáo đồng phạm nên phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại với phần trách nhiệm bồi thường của mỗi bị cáo bằng nhau. Các bị cáo được khấu trừ số tiền 35.000.000 đồng đã bồi thường trước cho bị hại, còn lại buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại tổng số tiền 54.415.271 đồng. Trong đó, phần của mỗi bị cáo là 13.603.818 đồng.

[25] Về xử lý vật chứng: Vật chứng là 01 (một) chiếc xe đạp, loại xe trẻ em, màu hồng đã qua sử dụng là tài sản của cá nhân bị người phạm tội sử dụng trái phép nên trả lại cho chủ sở hữu là ông Lê Trung T4 và bà Danh Thị Bích L. Các vật chứng còn lại trong vụ án là công cụ phạm tội hoặc không có giá trị hoặc không sử dụng được nên tịch thu và tiêu hủy.

[26] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo Lý Văn T, Bạch Văn P1, Bùi Văn T1 và Danh T3 phạm tội “Giết người”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lý Văn T 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/11/2022, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/11/2022 đến ngày 04/11/2022.

Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Bạch Văn P1 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/11/2022, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/11/2022 đến ngày 04/11/2022.

Căn cứ vào điểm n, p khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/11/2022.

Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Danh T3 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/11/2022, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2022 đến ngày 04/11/2022.

3. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Lý Văn T, Bạch Văn P1, Bùi Văn T1 và Danh T3 để bảo đảm thi hành án. Thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Lý Văn T, Bạch Văn P1, Bùi Văn T1 và Danh T3 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Lê Trung T4 tổng số tiền 89.415.271 (tám mươi chín triệu bốn trăm mười lăm nghìn hai trăm bảy mươi mốt) đồng. Các bị cáo được khấu trừ số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng đã bồi thường trước cho bị hại, còn lại buộc các bị cáo phải có trách

nhiệm bồi thường cho bị hại tổng số tiền 54.415.271 (năm mươi bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn hai trăm bảy mươi một) đồng. Trong đó, phần của mỗi bị cáo là 13.603.818 (mười ba triệu sáu trăm lẻ ba nghìn tám trăm mười tám) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực thi hành (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho ông Lê Trung T4 và bà Danh Thị Bích L: 01 (một) chiếc xe đạp, loại xe trẻ em, màu hồng đã qua sử dụng.

Tịch thu và tiêu hủy:

- 01 (một) đoạn tre khô, dài 2,35m, chu vi đầu nhỏ 16cm, đầu lớn 19cm;
- 01 (một) đoạn gỗ tròn, dài 2m40, chu vi đầu nhỏ 17cm, đầu lớn 22cm;
- 01 (một) đoạn sắt chữ V, một phần sơn màu đỏ, một phần sơn màu trắng, dài 1m79;
- 01 (một) cái ghế nhựa màu xanh, trên ghế có vết máu;
- 01 (một) cây dao kim loại màu trắng có dính vết máu ở lưỡi dao, dài 28cm, lưỡi dao nhọn, nơi rộng nhất là 3,5cm;
- 01 (một) vết máu trên ghế nhựa màu xanh;
- 01 (một) cây búa cán bằng gỗ màu đen dài 40cm, lưỡi búa bằng sắt bén dài 10m, đã qua sử dụng.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 16/QĐ-VKSHG-P1 ngày 19/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang).

6. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Lý Văn T, Bạch Văn P1, Bùi Văn T1 và Danh T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 680.000 (sáu trăm tám mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- CA tỉnh Hậu Giang (CQĐT, PV06, PC11);
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phạm Hoàng Lâm